

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỠ CHÂU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 20 - 4 - 2023

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỠ CHÂU – TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đông

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phan Văn Hưng.

2/ Ông Vi Văn Duẩn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2023/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Vi Thị L**, sinh năm: 2002.

Trú tại: Bản NT, xã CH, huyện QC, tỉnh Nghệ An.

Tạm trú: Bản L, xã CP, huyện QC, tỉnh Nghệ An. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Vi Văn S**, sinh năm: 1998.

Trú tại: Bản NT, xã CH, huyện QC, tỉnh Nghệ An. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/02/2023 và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vi Thị L trình bày:

Chị Vi Thị L và anh Vi Văn S đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã CH, huyện QC, tỉnh Nghệ An vào ngày 20/5/2020. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, sau đó giữa hai bên bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S nghiện chất ma túy, không chịu khó làm ăn, chăm lo cho gia đình nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, va chạm nhau trong cuộc sống hàng ngày, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng không có hạnh phúc, hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay, chị L nhận thấy tình

cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với anh Vi Văn S.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau, chị L và anh S có 01 người con chung là Vi Hoàng B, sinh ngày 02/12/2017, từ lúc ly thân con chung do anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại đơn khởi kiện ban đầu, chị L đề nghị được giao nuôi con chung và không yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, chị L thấy rằng bản thân đang phải đi làm xa chưa có điều kiện chăm sóc, gần gũi con nên có yêu cầu thay đổi về giao nuôi con, đề nghị giao con chung cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh S mỗi tháng mức 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vi Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Vi Văn S có ý kiến trình bày: Sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án và bản sao đơn khởi kiện cùng các văn bản tố tụng khác, vì lý do khách quan anh S không thể có mặt tham gia giải quyết vụ án theo quy định tại Tòa án. Từ lúc nhận được thông báo về việc chị L xin ly hôn anh S vẫn sinh sống, cư trú tại bản NT, xã CH, huyện QC, tỉnh Nghệ An, sau khi gặp trực tiếp tại nơi ở, anh S đã viết bản tự khai, trình bày lời khai và viết đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, với lý do bản thân anh đang sinh sống tại địa bàn xa xôi, không có phương tiện cá nhân để đi lại và không sắp xếp được thời gian, công việc có mặt tham gia giải quyết vụ án theo giấy triệu tập của Tòa án, về những yêu cầu của chị L đề nghị Tòa án giải quyết, anh S có ý kiến trình bày như sau:

Anh Vi Văn S và chị Vi Thị L đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 20/5/2020 tại Ủy ban nhân dân xã CH, huyện QC, tỉnh Nghệ An. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Bản thân anh S nghiện chất ma túy đã từng bị Tòa án xử phạt buộc chấp hành án phạt tù, trong thời gian vắng mặt anh S, chị L có quan hệ không trong sáng với người đàn ông khác, đến nay anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thể tiếp tục chung sống, đoàn tụ với nhau nên đồng ý giải quyết ly hôn với chị Vi Thị L.

Giữa anh S và chị L có với nhau 01 người con chung là Vi Hoàng B, sinh ngày 02/12/2017, con chung từ lúc vợ chồng đi làm xa cho đến khi ly thân do anh S và bên nội chăm sóc, nuôi dưỡng, anh S có ý kiến đề nghị sau khi giải quyết ly hôn giao con chung cho anh S và gia đình trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại bản tự khai anh S không yêu cầu chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tuy nhiên quá trình Tòa án tiến hành lấy lời khai anh S thay đổi ý kiến, đề nghị chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Đối với phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, hai bên không có tranh chấp nên anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu tại phiên tòa:

Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc tiến hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có mặt thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, do đó cần xem xét áp dụng quy định bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51; 56; 81; 82; 83; 110; 117 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; 35; 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để xét xử.

Về quan hệ hôn nhân cần chấp nhận đơn khởi kiện, cho chị Vi Thị L được ly hôn anh Vi Văn S.

Giao con chung là Vi Hoàng B, sinh ngày 02/12/2017 cho anh Vi Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị Vi Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện kể từ tháng 5 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân tài sản chung và nợ chung, nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm và bị đơn chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vi Thị L có đơn, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Vi Văn S, đề nghị giao con chung cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân tài sản chung của vợ chồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Bị đơn anh Vi Văn S có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản NT, xã CH, huyện QC, tỉnh Nghệ An, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có mặt để tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trước khi vụ án được đưa ra xét xử nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng tại phiên tòa theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị L và anh Vi Văn S đăng ký kết hôn với nhau theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã CH, huyện QC, tỉnh Nghệ An vào ngày 20/5/2020. Hôn nhân giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo về điều kiện kết hôn và đăng ký đúng thủ tục quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó giữa hai bên bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S nghiện chất ma túy, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng không có hạnh phúc, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không tin tưởng vào tình cảm của nhau, dẫn đến hai bên sống ly thân kể từ năm 2021 không thể hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án và xác minh tại địa phương về mâu thuẫn vợ chồng cho thấy, giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị L giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn đối với anh S, bản thân anh S có ý kiến đồng ý giải quyết ly hôn với chị L.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng cùng có ý kiến đề nghị giải quyết ly hôn, không trở lại đoàn tụ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Vi Thị L đối với anh Vi Văn S.

[4] Về con chung: Qua xem xét tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, xác minh về hoàn cảnh, môi trường sống và khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con và ý kiến của các đương sự. Xét thấy, hai bên đang trong độ tuổi lao động có thu nhập đảm bảo để nuôi con, tuy nhiên theo lời khai các bên cung cấp chị L hiện đang đi làm xa nhà không đảm bảo được thời gian, sự quan tâm, chăm sóc con chung tốt nhất, con chung từ lúc sinh ra cho đến nay do anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; để không làm xáo trộn nơi ở, sinh hoạt, học tập của con chung cũng như theo ý kiến của các đương sự, cần xem xét tiếp tục giao con chung cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh S mỗi tháng mức 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành là phù hợp.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vi Thị L và anh Vi Văn S không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 81; 82; 83; 110; 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chị Vi Thị L được ly hôn anh Vi Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung Vi Hoàng B, sinh ngày 02/12/2017 cho anh Vi Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Chị Vi Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Vi Văn S mức 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), phương thức cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng.

Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện kể từ tháng 5 năm 2023 trở đi, cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Vi Thị L chịu án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí Dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng chị L phải chịu 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0006477 ngày 16/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Chị Vi Thị L còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Châu;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Châu;
- UBND xã CH, huyện QCs;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hà Văn Đông